

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẮK GLONG  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Bản án số: 29/2019/HNGĐ-ST  
Ngày 15-11-2019.  
“V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG, TỈNH ĐẮK NÔNG**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hồng Nhung

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phan Hữu Tỷ và ông Lý Văn Hòe

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Duy Cường – Thư ký Tòa án

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Viết Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2019/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 4 năm 2019 về: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 07 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1995 – có mặt

Địa chỉ: Thôn 6, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông

**2. Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1993 – vắng mặt

Địa chỉ: Thôn 8, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; chỗ ở hiện nay: Thôn Q 4, phường Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, các bản khai có trong hồ sơ nguyên đơn Chị Nguyễn Thị T trình bày:*

Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn Q năm 2014, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, Trong thời gian sống chung, ban đầu thì hạnh phúc, về sau xảy ra mâu thuẫn, nguyên

nhân do quan điểm sống không hợp nhau. Hiện nay, hai người đã sống ly thân, chị T về nhà bố mẹ đẻ, còn anh Q về nhà bố mẹ anh Q, giữa chị và anh Q không còn tình cảm gì với nhau, cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc và không thể duy trì nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Q, trong quá trình làm việc anh Q không chấp hành đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Thời gian sống chung có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 04/6/2015 hiện cháu đang ở cùng với anh Q và cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 15/01/2017 hiện đang ở với chị T; chị T có nguyện vọng khi ly hôn được nuôi cháu K, giao cháu Đ cho anh Q nuôi và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn, trong quá trình giải quyết vụ án đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không chấp hành. Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn với anh Q; giao con chung là cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 04/6/2015 hiện cháu đang ở cùng với anh Q cho anh Q nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 15/01/2017 hiện đang ở với chị T để chị T nuôi dưỡng; cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung đương sự không yêu cầu không đề cập.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Q không đến làm việc mặc dù Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, niêm yết công khai. Do vậy, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn anh Nguyễn Văn Q có hộ khẩu thường trú tại Thôn 8, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nguyên đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Q chung sống với nhau, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông năm 2014. Trong thời gian sống chung đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm sống không hợp nhau. Hiện nay, hai người đã sống ly thân, vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống hôn nhân này không mang lại hạnh phúc và không thể duy trì. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Q đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh Q.

[2.2] Về con chung: Thời gian sống chung có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 04/6/2015 hiện cháu đang ở cùng với anh Q và cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 15/01/2017 hiện đang ở với chị T; Xét nguyện vọng cũng như điều kiện thực tế cần giao cháu K cho chị T nuôi dưỡng, giao cháu Đ để anh Q nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Các Điều 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 85 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

#### **1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Nguyễn Thị T**

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với Anh Nguyễn Văn Q.

Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 15/01/2017 cho chị T và giao cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 04/6/2015 cho anh Q chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu, không giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0003937 ngày 23/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

*Quyền kháng cáo:* Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Nông;
  - VKSND huyện Đắk Glong;
  - Chi cục THADS huyện Đ;
  - UBND xã Q, huyện Đ,
- tỉnh Đắk Nông (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
  - Lưu.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**(ĐÃ KÝ)**

**Lê Thị Hồng Nhung**



